

VÀI NÉT VỀ NGỮ NGHĨA CỦA CÂU CẦU KHIẾN TRONG HỘI THOẠI

TRẦN THỊ KIM TUYẾN*

Abstract: The paper analyzes the meanings and uses of imperative sentences in conversations from the perspectives of semantics and pragmatics. The analysis is based on a corpus of imperative sentences in conversations. The linguistic features of imperative sentences have been described and analyzed. The paper's findings have both theoretical and practical meanings and could be used as a reference on the semantics and pragmatics of imperative sentences for lecturers and students.

Keywords: *Semantics, imperative sentences, semantics of the imperative sentence, imperative sentences in conversation, ...*

1. Dẫn nhập

Trong các cuộc hội thoại dùng để giao tiếp hàng ngày, câu cầu khiến được các nhân vật tham gia giao tiếp sử dụng rất đa dạng, phong phú trong giao tiếp ngoài xã hội và cả trong các tác phẩm văn học văn chương. Ở đây, do giới hạn của bài viết, chúng tôi chỉ nêu về những vấn đề cơ bản có liên quan đến ngữ nghĩa câu cầu khiến của các nhân vật tham gia giao tiếp trong tiếng Việt. Cụ thể là câu cầu khiến của các nhân vật tham gia giao tiếp trong các tác phẩm văn học được xét từ bình diện ngữ nghĩa, ngữ dụng và văn hóa được thể hiện trong cách được lựa chọn sử dụng, nhằm góp phần làm nâng cao hiệu quả, rõ ràng và hoàn chỉnh hơn trong sử dụng.

2. Nội dung

2.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1.1. Lịch sử nghiên cứu về ngữ nghĩa và câu cầu khiến

Cho đến nay, có nhiều tác giả đã đề cập đến vấn đề về ngữ nghĩa và câu cầu khiến và cũng có những thành tựu đáng kể như sau:

Năm 1981, tác giả Đỗ Hữu Châu đã cho xuất bản quyển *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, trong đó, tác giả đã cho chúng ta thấy rất rõ về bức tranh của các loại từ vựng cùng ngữ nghĩa của chúng. Năm 1987, Nguyễn Đức Dân hoàn thành quyển *Logích, ngữ nghĩa, cú pháp*. Năm 2006, Nguyễn Văn Hiệp đã dịch thành công quyển *Ngữ nghĩa học dẫn luận* từ bản tác phẩm *Linguistic semantics - An introduction* của tác giả John Lyon và tiếp theo là năm 2021, Nguyễn Văn Hiệp đã xuất bản quyển *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*. Năm 2008, Lê Quang Thiêm hoàn thành quyển *Ngữ nghĩa học*. Đến năm 2015, tác giả cũng có bài viết về *Sự phát triển nghĩa từ vựng tiếng Việt từ 1945 - 2005*. Năm 2009, Đỗ Thị Kim Liên cho ra đời quyển *Ngữ nghĩa lời hội thoại*. Đặc biệt ở những năm gần đây, vấn đề về ngữ nghĩa được làm nóng lên trên diễn đàn nghiên cứu khoa học là các Luận án tiến sĩ được bảo vệ thành công ở trường Đại học Sư phạm Hà Nội của Nguyễn Thị Thanh Hương

* Trường Đại học Sài Gòn.

về *Đặc điểm ngữ nghĩa và kết trị của nhóm tính từ chỉ đặc điểm về lượng của sự vật trong tiếng Việt* năm 2019. Năm 2020, *Đặc điểm cấu trúc Ngữ nghĩa và lập luận của câu đổ về động thực vật trong tiếng Việt* của Vũ Thị Hương Giang.

Bên cạnh những vấn đề về ngữ nghĩa được nghiên cứu, vấn đề cụ thể về câu cầu khiến cũng được các tác giả quan tâm nghiên cứu như Đào Thanh Lan đã có các bài viết trên tạp chí Ngôn ngữ là *Ý nghĩa câu khiến của các động từ "nên, cần, phải" trong câu tiếng Việt*, số 11 (năm 2004), trang 23-29 và tác phẩm *Ngữ pháp, ngữ nghĩa lời cầu khiến tiếng Việt* năm 2010. Năm 2018, Lê Thị Tố Uyên cũng đã bảo vệ thành công Luận án tiến sĩ ở trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội về *Nghiên cứu khả năng tiếp nhận và biểu đạt hành động cầu khiến của trẻ thiếu năng ngôn ngữ (3-6 tuổi) ở trường mầm non*.

Nhìn chung, lịch sử nghiên cứu về ngữ nghĩa và câu cầu khiến đã có nhiều tác giả nghiên cứu nhưng chưa có bài viết nào nêu cụ thể về ngữ nghĩa của câu cầu khiến trong hội thoại.

2.1.2. Mục đích nghiên cứu

Xác định và làm rõ những đặc điểm ngữ nghĩa của câu cầu khiến trong giao tiếp của các nhân vật tham gia giao tiếp trong các tác phẩm văn học của tiếng Việt.

Kết quả nghiên cứu không chỉ ứng dụng trong giảng dạy mà còn góp phần làm tư liệu tham khảo, nghiên cứu cho giảng viên, học viên được đa dạng, phong phú hơn về lí thuyết của Ngôn ngữ học nói chung cũng như những vấn đề về ngữ nghĩa nói riêng, đặc biệt là ngữ nghĩa của câu cầu khiến trong giao tiếp tiếng Việt.

2.1.3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

a. *Đối tượng nghiên cứu*: Những câu cầu khiến trong giao tiếp của các nhân vật tham gia giao tiếp trong các tác phẩm văn học của tiếng Việt.

b. *Phạm vi nghiên cứu*: Những câu cầu khiến trong giao tiếp của các nhân vật tham gia giao tiếp trong các tác phẩm văn học của tiếng Việt.

2.1.4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Nguồn dữ liệu: Các tác phẩm văn học được liệt kê ở phần Tư liệu nghiên cứu. Và lí do chúng tôi chọn khảo sát và trích dẫn ở những tác phẩm được xuất bản thuộc 2 giai đoạn cách xa nhau để cho thấy rõ câu cầu khiến vẫn được sử dụng thường xuyên trong giao tiếp theo lịch đại thời gian.

Cách thu thập dữ liệu: Khảo sát những câu cầu khiến trong giao tiếp của các nhân vật tham gia giao tiếp trong các tác phẩm văn học của tiếng Việt.

Phương pháp nghiên cứu: khảo sát, thống kê, miêu tả, phân tích, tổng hợp những câu cầu khiến trong giao tiếp của các nhân vật tham gia giao tiếp trong các tác phẩm văn học của tiếng Việt.

2.2. Cơ sở lí thuyết và thực tiễn

2.2.1. Các khái niệm về ngữ nghĩa

Có nhiều khái niệm về ngữ nghĩa, nhưng do giới hạn bài viết chúng tôi chỉ nêu vài khái niệm cơ bản như sau:

Năm 1981, tác giả Đỗ Hữu Châu có đưa ra những câu hỏi nhằm xác định những vấn đề cốt lõi về ngữ nghĩa và sự phân biệt nghĩa trong ngôn ngữ như “Về đại thể, phạm vi ngôn ngữ học quan tâm và giải thích, trả lời câu hỏi: Từ có nghĩa gì? Câu có nghĩa gì? Nếu liệt kê cho đầy đủ thì đó là: các hình thức ngôn ngữ, các biểu thức ngôn ngữ, các văn bản, diễn ngôn... có nghĩa gì? Như đã biết, nói đến hình thức, biểu thức, từ, ngữ, câu, lời, văn bản, diễn ngôn... là nói đến những hiện tượng, đơn vị,

thực thể của ngôn ngữ trong ngôn ngữ học. Nghĩa của những đơn vị, thực thể... đó là nghĩa trong ngôn ngữ, thuộc ngôn ngữ. Thuật ngữ gọi thứ nghĩa này là ngữ nghĩa. Vì vậy, cần phân biệt nghĩa trong ngôn ngữ, nghĩa của ngôn ngữ (ngữ nghĩa) với nghĩa của các tồn tại khác” [1, tr. 5].

Năm 2003, tác giả Nguyễn Như Ý khẳng định trong quyển *Từ điển Giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, “ngữ nghĩa là toàn bộ nội dung, thông tin được ngôn ngữ truyền đạt hoặc được đơn vị nào đó của ngôn ngữ thể hiện như từ, hình thái ngữ pháp của từ, cụm từ, câu” [9, tr. 183]. Và “Ngữ nghĩa học là bộ môn ngôn ngữ học nghiên cứu ngữ nghĩa từ vựng, tức là nghiên cứu các ý nghĩa của từ, cụm từ, cụm từ được dùng để gọi tên, định danh các đối tượng và hiện tượng riêng lẻ của thực tế khách quan” [9, tr. 183-184].

Bên cạnh đó, tác giả Nguyễn Như Ý cũng nói thêm, “ngữ nghĩa học chức năng là học thuyết giải thích sự biến đổi ngữ nghĩa của từ bằng sự trùng hợp về chức năng của các sự vật khác nhau về thể chất được từ đó gọi tên” [9, tr. 184].

Từ những vấn đề trên, chúng tôi có thể hiểu ngữ nghĩa là toàn bộ nội dung, thông tin của từ, ngữ hay câu được truyền đạt, được thể hiện thông qua, dựa trên một hình thái ngữ pháp của một loại hình ngôn ngữ nào đó.

2.2.2. Câu cầu khiến

Theo *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, tác giả đã nêu rõ câu cầu khiến hay còn gọi là câu mệnh lệnh [9, tr.33], “câu mệnh lệnh là câu biểu đạt yêu cầu, nguyện vọng, khuyên bảo, sai khiến, xin xỏ, thúc giục hành động (ở các ngôn ngữ biến hình vị ngữ của câu cầu khiến thường được biểu hiện bằng động từ ở thức mệnh lệnh). Khi nói, có ngữ điệu mệnh lệnh (thường nhấn mạnh vào những từ ngữ mang nội dung lệnh). Khi viết ngữ điệu mệnh lệnh có thể được thể hiện bằng dấu chấm than (!) đặt ở cuối câu. Ví dụ: *Đừng có đi 1 mình! Hãy nhớ lấy lời tôi!*” [9, tr.38-39]. Câu cầu khiến là những câu có dùng để ra mệnh lệnh, đề nghị, yêu cầu ai đó thực hiện một hay nhiều việc nào đó. Câu cầu khiến có các đặc điểm là thường ngắn gọn, có sử dụng ngữ điệu trong câu và kết thúc câu bằng dấu chấm than để nhấn mạnh câu nói, có sử dụng từ, ngữ cầu khiến trong câu ví dụ như: *hãy, ngay, nào, đừng, hãy, thôi, không...* Câu cầu khiến không có chủ ngữ thường có cấp độ nhấn mạnh yêu cầu cao hơn câu cầu khiến không có chủ ngữ nhưng lại hạn chế về sắc thái lịch sự trong câu hơn. Ngoài ra, khi câu cầu khiến có thêm hoặc bớt chủ ngữ thì ngữ nghĩa của nó cũng sẽ bị thay đổi theo. Ví dụ: - *Tắt Tivi ngay!* (câu cầu khiến không có chủ ngữ, chủ ngữ hiểu ngầm)./ - *Con tắt Tivi ngay!* (câu cầu khiến có chủ ngữ con).

3. Những đặc điểm về câu cầu khiến trong hội thoại

Qua khảo sát chúng tôi thấy trong giao tiếp tiếng Việt, câu cầu khiến (CCK) xuất hiện nhiều, rất đa dạng, phong phú từ ngoài đời sống cho đến các tác phẩm văn học. Câu cầu khiến là lời yêu cầu người nghe thực hiện một hành động nào đó trong bối cảnh trực tiếp của các nhân vật tham gia giao tiếp ở ngôi thứ nhất người nói (chủ ngôn) và ngôi thứ hai người nghe (đối ngôn).

3.1. Hành động ngôn trung có nghĩa cầu - khiến

Hành động cầu khiến là bao gồm các hành động ngôn trung, có nghĩa “cầu” là *xin, nhờ vả, mời mọc...* và có nghĩa “khiến” là *hãy, yêu cầu, cảm đoán...* Câu “cầu” và “khiến” đều giống nhau ở đích ngôn trung, đều yêu cầu đối ngôn thực hiện hành động mà chủ ngôn mong muốn. Tuy nhiên, giữa hành động ngôn trung “cầu” và “khiến” có nhiều điểm khác nhau về mức độ của hiệu lực ngôn trung.

Hành động ngôn trung “cầu” là yêu cầu thể hiện sự lịch sự, tự giác, tự nguyện thực hiện hành động nào đó của đối ngôn, còn “khiến” là cưỡng chế, áp đặt, buộc đối ngôn thực hiện hành động như sau:

a. *Câu cầu khiến có hành động ngôn trung mang nghĩa “khiến”:*

Ví dụ 1: Trong *Thư Trung Thu* của bác Hồ gửi cho các bé thiếu nhi Việt Nam “Ai yêu các nhi đồng, bằng Bác Hồ Chí Minh? Tính các cháu ngoan ngoãn, mặt các cháu xinh xinh. Các cháu hãy cố gắng, thi đua học và hành. Tuổi nhỏ làm việc nhỏ, tùy theo sức của mình. Để tham gia kháng chiến, để gìn giữ hòa bình. Các cháu **hãy** xứng đáng, cháu Bác Hồ Chí Minh”. (Hồ Chí Minh toàn tập *Thư Trung thu*, Báo Nhân Dân, 25-9-1952)

Ở ví dụ 1, CCK *Các cháu hãy xứng đáng, cháu Bác Hồ Chí Minh* là hành động ngôn trung mang ngữ nghĩa cầu khiến, khuyên nhủ các bé nhi đồng hãy cố gắng chăm ngoan, học giỏi để xứng đáng với niềm tin yêu của Bác dành cho các bé.

b. *Câu cầu khiến có hành động ngôn trung mang nghĩa “cầu”:*

Ví dụ 2: Trong ngữ cảnh anh Chí Phèo đến gặp cụ Bá Kiến thì cụ quát, lúc nào cụ cũng quát đê thử dây thần kinh của mọi người.

- Anh này lại say khướt rồi!

Hắn xông lại gần, đảo ngược mắt, giơ tay lên nửa chừng:

- Bẩm không ạ, bẩm thật là không say. Con đến **xin** cụ cho con đi tù mà nếu không được thì... thì... thưa cụ... (Chí Phèo, Nam Cao)

Ở ví dụ 2, lời văn *Con đến xin cụ cho con đi tù mà nếu không được thì...* là hành động ngôn trung mang ngữ nghĩa thông báo cho cụ Bá Kiến biết là anh Chí Phèo vẫn tỉnh táo, bình thường đi đến gặp cụ để *xin* cụ cho anh Chí Phèo đi tù hắn sẽ làm càn mà giết người để được giải lên huyện đi tù.

Trong nội dung của CCK mà các nhân vật sử dụng khi tham gia giao tiếp, chúng ta cần phân biệt ngữ nghĩa tình thái chủ quan của lời (trực tiếp) với nghĩa tình thái khách quan (gián tiếp) vốn là nghĩa tình thái hiện thực được phản ánh ở trong lời.

3.2. Những biểu hiện câu cầu khiến trực tiếp

Câu cầu khiến trực tiếp (CCKTT) là yêu cầu hành động cầu khiến được các nhân vật tham gia giao tiếp sử dụng trực tiếp thực hiện, có chứa các vị từ tình thái cầu khiến (VTCK) *hãy, đừng, chớ, nên, cần, phải, van, xin...* CCKTT có hai dạng là CCKTT tường minh và CCKTT khuyết thiếu:

a. *CCKTT tường minh*

CCKTT tường minh là câu với đầy đủ các thành phần như cấu trúc CCKTT tường minh = “Chủ ngữ + VTCK + động từ + tân ngữ” (chủ thể tiếp nhận trực tiếp) như ví dụ sau:

Ví dụ 3: Trong ngữ cảnh anh Độ về làm tuyên truyền gần nhà hai vợ chồng anh Hoàng người cùng giới văn nghệ sĩ nên đến ở nhờ nhà 2 vợ chồng anh Hoàng. Sau khi ăn cơm tối xong, chị Hoàng đổ thêm dầu để thắp đèn to, rồi anh Hoàng hỏi anh Độ có thích đọc sách đọc Tam Quốc không vì mỗi tối trước khi đi ngủ, 2 vợ chồng anh Hoàng có cái thú đọc một vài hồi Tam Quốc rồi mới ngủ. Anh Độ cũng vui vẻ mời 2 vợ chồng anh Hoàng cứ giữ lệ thường. Anh Hoàng mừng rỡ lắm:

- Vâng, **nếu anh cho phép thì ta(1) cứ đọc** (CCK1). **Chúng mình cùng nghe rồi lúc nào buồn ngủ thì ta(2) ngủ** (CCK2). Tôi trông anh hơi mệt có lẽ cần ngủ sớm. Không biết đèn sáng lại đọc thế có phiền anh không?

Tôi cho anh biết là tôi vẫn ngủ ngay trong nhà in, đèn sáng và máy chạy ầm ầm, ở đây chần ảm thế này thì dầu súng có nổ ngay ở liền bên tôi vẫn ngủ ngon lành lắm... Anh cười cùng cục trong cổ như một con gà trống:

- Vâng, **thế thì ta(3) cứ đọc** (CCK3). **Mình(1) lấy ra đi** (CCK4).

Chị Hoàng chạy lại bíp lấy một quyển sách bìa dày, gáy da, đem lại.

- **Mình(2) đọc hay tôi đọc?** (CCK5)

- **Mình(3) đọc đi** (CCK6). (Đôi mắt, Nam Cao)

Ở ví dụ 3, có 2 đoạn hội thoại: ở đoạn hội thoại 1 là anh Hoàng sau khi biết anh Độ không phiền gì khi 2 vợ chồng anh Hoàng mở đèn sáng đọc sách thì đưa ra CCKTT cùng với câu ghép chính phụ thể hiện mối nguyên nhân - kết quả *nếu... thì...: nếu anh cho phép thì ta(1) cứ đọc*. Ở đây, anh Hoàng đã đưa ra lời đề nghị *cứ đọc* rồi *lúc nào buồn ngủ thì ta(2) ngủ*. Anh Hoàng đã thuyết phục với lời cầu khiến ở sắc thái cầu xin, vui mừng vì được sự cho phép của anh Độ. Câu cầu khiến trực tiếp ở ví dụ này rất tường minh về cấu trúc cũng như ý nghĩa của CCK như sau:

CCKTT1: *Nếu anh cho phép thì ta(1) cứ đọc*. Từ nối *nếu* + chủ ngữ *anh* + VTCK1 *cho phép* + từ nối *thì* + chủ thể tiếp nhận trực tiếp hành động CCK *ta(1)* + VTCK2 *cứ* + động từ *đọc*. Trong đó có đại từ nhân xưng làm chủ thể tiếp nhận trực tiếp hành động CCK như sau:

Đại từ nhân xưng *ta(1)* có nghĩa bao gộp ngôi: ngôi thứ nhất Hoàng và ngôi thứ hai vợ Hoàng, có thể hiện sắc thái trung hòa, không thể hiện giới tính, có thể hiện mối quan hệ liên cá nhân vợ chồng của Hoàng trong ngữ cảnh này.

CCKTT2: *Chúng mình cùng nghe rồi lúc nào buồn ngủ thì ta(2) ngủ*. Chủ ngữ *chúng mình* + VTCK1 *cùng* + động từ 1 *nghe* + từ đệm *rồi* + thời gian *lúc nào* + động từ *buồn ngủ* + từ nối *thì* + chủ thể tiếp nhận trực tiếp hành động CCK *ta(2)* + động từ 2 *ngủ*. Trong đó có các đại từ nhân xưng làm chủ ngữ hay chủ thể tiếp nhận trực tiếp hành động CCK như sau:

Đại từ nhân xưng *chúng mình* có nghĩa bao gộp ngôi: ngôi thứ nhất Hoàng, ngôi thứ hai vợ Hoàng và Độ (bạn Hoàng), có thể hiện sắc thái trung hòa, không thể hiện giới tính, có thể hiện mối quan hệ liên cá nhân bạn bè thân thiết giữa vợ chồng Hoàng và Độ trong ngữ cảnh này.

Đại từ nhân xưng *ta(2)* có nghĩa bao gộp ngôi: ngôi thứ nhất Hoàng và ngôi thứ hai vợ Hoàng và Độ (bạn Hoàng), có thể hiện sắc thái trung hòa, có thể hiện mối quan hệ liên cá nhân bạn bè thân thiết giữa vợ chồng Hoàng và Độ trong ngữ cảnh này.

Đoạn hội thoại 2 là đoạn hội thoại của 2 vợ chồng Hoàng.

CCKTT3: *Thế thì ta(3) cứ đọc*. Liên từ *thế thì* + chủ ngữ *ta(3)* + VTCK *cứ* + động từ *đọc*... Trong đó có các đại từ nhân xưng làm chủ ngữ có ý nghĩa chủ thể tiếp nhận trực tiếp hành động CCK như sau:

Đại từ nhân xưng *ta(3)* làm chủ ngữ mang ý nghĩa của chủ thể tiếp nhận hành động lời văn cầu khiến, có nghĩa bao gộp ngôi: ngôi thứ nhất Hoàng và ngôi thứ hai vợ Hoàng, có thể hiện sắc thái trung hòa, nhằm thể hiện mối quan hệ liên cá nhân bạn bè thân thiết giữa vợ chồng Hoàng và Độ trong ngữ cảnh này.

CCKTT4: *Mình(1) lấy ra đi*. Chủ ngữ *mình(1)* + VTCK *lấy ra* + động từ nhấn mạnh *đi*. Trong đó có đại từ nhân xưng làm chủ ngữ có ý nghĩa chủ thể tiếp nhận trực tiếp hành động CCK như sau:

Đại từ nhân xưng *mình(1)* làm chủ ngữ mang ý nghĩa của chủ thể tiếp nhận hành động CCK ở ngôi thứ hai là vợ Hoàng, có thể hiện sắc thái thân mật yêu thương, nhằm hiện mối quan hệ liên cá nhân của vợ chồng thân mật trong ngữ cảnh này.

CCKTT5: *Mình(2) đọc hay tôi đọc?* với chủ ngữ *mình(2)* + động từ *đọc* + từ nghi vấn cho sự chọn lựa *hay* + chủ ngữ *tôi* + động từ *đọc*. Trong đó có các đại từ nhân xưng làm chủ ngữ có ý nghĩa chủ thể tiếp nhận trực tiếp hành động CCK như sau:

Đại từ nhân xưng *mình(2)* làm chủ ngữ mang ý nghĩa của chủ thể tiếp nhận hành động CCK ở ngôi thứ hai là Hoàng, có thể hiện sắc thái thân mật yêu thương, nhằm hiện mối quan hệ liên cá nhân của vợ chồng thân mật trong ngữ cảnh này.

Đại từ nhân xưng *tôi* làm chủ ngữ mang ý nghĩa của chủ thể tiếp nhận hành động CCK ở ngôi thứ nhất là vợ Hoàng, có thể hiện sắc thái trung hòa, nhằm hiện mối quan hệ liên cá nhân của vợ chồng trong ngữ cảnh này.

CCKTT6: *Mình(3) đọc đi* với chủ ngữ *mình(3)* + động từ *đọc* + động từ nhấn mạnh *đi*. Trong đó có các đại từ nhân xưng làm chủ ngữ có ý nghĩa chủ thể tiếp nhận trực tiếp hành động CCK như sau:

Đại từ nhân xưng *mình(3)* làm chủ ngữ mang ý nghĩa của chủ thể tiếp nhận hành động CCK ở ngôi thứ hai vợ Hoàng, có thể hiện sắc thái thân mật yêu thương, nhằm hiện mối quan hệ liên cá nhân của vợ chồng thân mật trong ngữ cảnh này.

b. CCKTT khuyết thiếu là CCK thường bị khuyết thiếu chủ ngữ hoặc khuyết thiếu tân ngữ (chủ thể tiếp nhận hành động lời văn cầu khiến) với cấu trúc CCKTT khuyết thiếu = VTCK + động từ...

Ví dụ 4: Trong ngữ cảnh chị Hoàng giục thẳng con cột con chó ra xa:

- *Ngữ xích con chó lại* (CCK1). *Xích con chó lại cái cột tít đằng kia* (CCK2). (*Đôi mắt*, Nam Cao)

Ở ví dụ 4, chị Hoàng sử dụng 2 câu cầu khiến:

CCK1: *Ngữ xích con chó lại* là CCKTT tường minh với chủ ngữ *Ngữ* + VTCK *xích* + tân ngữ *con chó* + động từ biểu thị hướng thu hẹp *lại*. Chị Hoàng yêu cầu con trai xích con chó lại

CCK2: *Xích con chó lại cái cột tít đằng kia* là CCKTT khuyết thiếu chủ ngữ (chủ ngữ hiểu ngầm là *Ngữ*) với sắc thái trung hòa và có cấu trúc như sau:

CCKTT khuyết thiếu: VTCK *xích* + tân ngữ *con chó* + động từ biểu thị hướng thu hẹp *lại* + tính từ nhấn mạnh *cái* + động từ *cột tít* + đại từ chỉ định *đằng kia*. CCKTT khuyết thiếu này được vợ Hoàng sử dụng nhằm bảo con trai kéo con chó cột ra xa để không làm khách sợ.

3.3. Những biểu hiện câu cầu khiến gián tiếp

Đào Thanh Lan đã cho rằng hành động cầu khiến gián tiếp được thực hiện qua câu hỏi phổ biến hơn câu trần thuật, câu cảm thán. Bởi vì hành động cầu khiến và hỏi có chung một đặc điểm là chỉ xuất hiện trong bối cảnh hội thoại trực tiếp với sự có mặt đồng thời của chủ ngôn, đối ngôn, tại thời điểm hiện tại theo công thức: *tôi, anh, bây giờ*. Trong khi đó, hành động trần thuật có thể xuất hiện trong bối cảnh hội thoại trực tiếp hay gián tiếp đều được. Lẽ dĩ nhiên, hành động trần thuật gián tiếp không thể được dùng làm phương tiện cầu khiến gián tiếp". Hành động cầu khiến gián tiếp thường được người nói, người yêu cầu (chủ ngôn) sử dụng từ ngữ có lựa chọn để người nghe (đối ngôn) có thể hiểu được nội dung, mục đích yêu cầu hành động. Câu cầu khiến gián tiếp (CCKGT) trong giao tiếp là lời văn có mục đích cầu khiến nhưng phải thông qua thao tác suy ý như ví dụ sau:

Ví dụ 5: Trong ngữ cảnh, anh Hoàng sừng người ra một lúc, rồi vui mừng kêu lên khi nhận ra anh Độ, bạn anh Hoàng tới nhà mình trong chuyến đi công tác của anh Độ.

- *Ồi giời ơi! Anh! Quý hoá quá!* (*Đôi mắt*, Nam Cao)

Câu cầu khiến gián tiếp thường ở dạng nghi vấn, câu hỏi, khuyết thiếu chủ ngữ. Chủ ngữ hiểu ngầm hay chủ thể tiếp nhận hành động lời cầu khiến được hiểu ngầm như ví dụ sau:

Ví dụ 6: Trong ngữ cảnh, ông lão về đến nhà đã thấy cái máng mới nhưng mẹ vợ lại quát to hơn: *Đồ ngu! Sao không đòi con cá đèn một cái nhà to đẹp?*

Ở ví dụ 6, bà lão đã mắng rồi đưa ra nội dung yêu cầu ông lão đòi con cá trả ơn bằng một cái nhà to đẹp với CCK ở dạng hỏi, khuyết thiếu chủ ngữ (chủ ngữ hiểu ngầm là ông lão) nhưng có với cấu trúc như sau:

CCKGT khuyết thiếu: Từ để hỏi *sao không* + VTCK *đòi* + tân ngữ (chủ thể tiếp nhận hành động cầu khiến) *con cá* + động từ *đèn* + danh từ *một cái nhà to đẹp* + dấu chấm hỏi ? Trong CCKGT ở dạng câu hỏi này bị thiếu chủ ngữ (chủ ngữ hiểu ngầm là *ông lão*) nhưng có tân ngữ (chủ thể tiếp nhận hành động cầu khiến là *con cá*), có thể hiện nội dung và mục đích của bà vợ là yêu cầu ông lão đi gặp con cá vàng thần kì kia lần nữa để đòi nó đền ơn cứu mạng thêm cho ông lão một cái nhà vừa phải to vừa phải đẹp mới vừa ý bà lão có lòng tham không đáy.

3.4. Hướng cầu khiến trong câu cầu khiến

a. Hướng ngoại và hướng nội

Câu cầu khiến hướng ngoại là lời của người nói ở ngôi thứ nhất yêu cầu, đề nghị người nghe ở ngôi thứ hai thực hiện hành động. Ở đây, chúng tôi miêu tả dựa theo ngữ nghĩa ngoại động từ (transitive verbs), không có sự tác động của tân ngữ (bổ ngữ), “chủ thể của hành động, có bổ ngữ trực tiếp bổ sung ý nghĩa đối tượng hành động” [9, tr. 97], như ví dụ sau:

Ví dụ 7: Trong ngữ cảnh cô công nhân giao thông tên Nguyệt có chút việc phải về đơn vị nên xin đi nhờ xe chở hàng quân sự lúc trời tối. Lẽm, chàng trai lái xe sau khi kiểm tra giấy tờ thì bảo các đồng chí trên xe cùng chờ cô gái:

- *Các cậu ơi, hãy chịu khó đợi một chút! (Mảnh trăng cuối rừng, Nguyễn Minh Châu)*

Câu cầu khiến hướng nội là lời của người nói ở ngôi thứ nhất xin phép người nghe ở ngôi thứ hai cho mình thực hiện hành động, người nói ở ngôi thứ nhất đồng nhất thực hiện hành động (yêu cầu người nói và người nghe xuất hiện đồng thời). Ở đây, chúng tôi cũng miêu tả dựa theo ngữ nghĩa nội động từ (intransitive Verbs) có tác động của tân ngữ, biểu thị sự yêu cầu hành động không lan chuyển sang đối tượng khác” [9, tr. 98], như ví dụ sau:

Ví dụ 8: Trong ngữ cảnh trời đêm mưa dầm, trung đội lái xe được dịp trở về gần đông đủ. Cái lán nứa rất ồn ào, thỉnh thoảng một dịp cười vang lên chuyển cả rừng. Không biết ở trên đời còn có cảnh gì vui và náo nhiệt hơn những đêm như đêm nay, những chiến sĩ lái xe sau nhiều chuyến rong ruổi trên các ngã đường nay trở về gặp mặt nhau. Sau hàng chục đêm thức chong bên tay lái, tưởng như họ cứ nằm xuống là con mắt sẽ díp lại, vậy mà chẳng ai buồn ngủ cả.

- *Xong chưa nào, đến lượt tớ kể nhé?*

Người này chưa nói hết, người khác đã dẫn trước như thế bằng giọng hết sức háo hức. Hình như trong đầu từng người đang xôn xao vô vàn hình ảnh trên dọc đường, và chính lúc này, những hình ảnh ấy đang chen lấn nhau đòi sống lại.

- *Xong chưa nào, đến lượt tôi kể nhé!* Một anh nằm trong góc tối nói. (*Mảnh trăng cuối rừng*, Nguyễn Minh Châu)

b. Đồng hướng và ngược hướng

Câu cầu khiến đồng hướng thường là ở dạng câu hỏi của người nói ở ngôi thứ nhất yêu cầu người nghe ở ngôi thứ hai có sự chọn lựa một trong các ý kiến, các hành động mà người nói ở ngôi thứ nhất đưa ra để hồi đáp như ví dụ sau:

Ví dụ 9: - *Hay ta nổ một loại AK, ném mấy quả lựu đạn báo cho các đồng chí ấy biết?* (Mầm sống, Triệu Bôn)

Ở ví dụ 9, CCK với dạng câu hỏi với các từ *hay/ hay không/ hoặc/ hoặc là...* mà người nói ở ngôi thứ nhất đưa ra cho người nghe ở ngôi thứ hai lựa chọn các phương án hồi đáp đồng ý thực hiện theo hành động *nổ một loại AK*, rồi *ném mấy quả lựu đạn* đó hay không đồng ý làm theo lời đề nghị này với mục đích cầu khiến.

Hay như CCK ở dạng câu hỏi với tiểu từ *đi/ chứ (chớ)/ đi chứ...* nhằm thúc dục, yêu cầu người nghe ở ngôi thứ hai là chủ thể tiếp nhận lời cầu khiến xác nhận chắc chắn như ví dụ sau:

Ví dụ 10: Lãm quân nhân lái xe chờ hàng cho quân đội vẫn đang kể về cô gái tên Nguyệt với một tâm trạng vui sướng và rộn ràng rất lạ, và lại rất lo lắng cho Nguyệt. Anh kể “lúc nào cũng thấy trước mắt bóng một người con gái mặc áo xanh, một bên cánh tay buộc chiếc mùi xoa của tôi, với chiếc làn và chiếc nón trắng mới, cô ta đang đi trở lại về phía ngầm. Có lúc, tôi lại thấy cô quay lại, khuôn mặt đẹp lộng lẫy đầy ánh trăng...”

- *Thế nào, kể tiếp đi! Ngày hôm sau sống chết cậu cũng phải mò tới cái đội nữ công nhân ấy chứ?*

Những người nghe chuyện vẫn tỉnh như sáo. Có lẽ đã hai ba giờ sáng. Gà rừng gáy eo óc, thưa thớt. Nghe tiếng đôi chim trống mái gọi nhau đã gần hơn.

... *Chị Nguyệt “lão” vui vẻ “mắng” tôi một hồi nữa, đầy những “có sao”, “có sao” mấy năm trời để cho “cái Nguyệt” nó đợi đỡ mắt, có muốn “tìm hiểu” người ta hay không thì cũng phải bảo một câu chứ!* (Mảnh trăng cuối rừng, Nguyễn Minh Châu)

Câu cầu khiến ngược hướng là lời yêu cầu, đề nghị của người nói ở ngôi thứ nhất với các từ *sao, sao... lại, sao... không..., ai đó... làm gì?* với mục đích khuyên nhủ, ngăn cản, cảm đoán, phủ định hành động đối với người nghe ở ngôi thứ hai như ví dụ sau:

Ví dụ 11: Lãm nghĩ rằng Nguyệt có thể là người con gái đã anh dũng hy sinh từ cách đây ba, bốn tháng rồi. *Chị Tĩnh dẫn tôi vào nhà, và trách:*

- *Hôm kia, sao cậu không về? Nguyệt nó chỉ tranh thủ lên được có một hôm, đợi cậu suốt ngày không thấy, cô ấy lại phải về dưới ty rồi!*

Thế là trống ngực tôi không đánh nữa. Tôi tò mò hỏi:

- *Cô ấy về dưới ty làm gì?*

- *Cô ấy đang dỡ học lớp đảng viên mới ở dưới đó.* (Mảnh trăng cuối rừng, Nguyễn Minh Châu)

Nhìn chung, nội dung của hành động cầu khiến mang ý nghĩa cầu khiến của lời mà các nhân vật tham gia giao tiếp sử dụng ở dạng CCK trực tiếp hay gián tiếp đều có sử dụng vị từ cầu khiến. Và nội dung của hành động cầu khiến này luôn phụ thuộc vào mục đích của chủ ngôn quyết định và ngữ nghĩa tình thái chủ quan của lời.

4. Ứng dụng trong giảng dạy tiếng Việt về câu cầu khiến

Trong giảng dạy tiếng Việt về lời văn cầu khiến, chúng ta cần lưu ý về cách sử dụng của chúng như sau:

Hành động cầu khiến là một kiểu hành động ngôn trung được thực hiện bằng lời nói nhằm cầu khiến người nghe (đối ngôn) thực hiện hành động mà người nói (chủ ngôn) mong muốn.

CCK có thể được thực hiện một cách trực tiếp bằng câu cầu khiến chứa các phương tiện đánh dấu lực ngôn trung cầu khiến trực tiếp như các vị từ tình thái cầu khiến *hãy, đừng, chớ, ...*; Các động từ tình thái cầu khiến *nên, cần, phải, ...* và kết cấu “V + *giúp/ hộ/ cho, ...*”; Các tiểu từ cầu khiến như

đi, với, xem, đã, thôi, nào, nhé,...; Các động từ ngôn hành cầu khiến như *mời, xin, van, lay, nhờ, cầu, chúc, đề nghị, yêu cầu, ra lệnh, cho phép, khuyên, cấm,...*

Hành động cầu khiến có thể được bày tỏ một cách gián tiếp không qua một hành động ngôn trung khác như hỏi, trần thuật mà có đích cầu khiến với các từ *hay, hay không, sao, sao lại, sao không, hoặc...*

Bên cạnh đó, khi sử dụng lời văn cầu khiến, chủ ngôn cũng phải chú ý đến hướng cầu khiến là hướng nội hay hướng ngoại, đồng hướng hay ngược hướng với chủ thể tiếp nhận hành động cầu khiến.

Ngoài ra, trong cách sử dụng để bày tỏ mục đích cầu khiến ở những lời cầu khiến gián tiếp không những không hoặc ít gây áp đặt cho đối ngôn hay chủ thể tiếp nhận hành động cầu khiến mà còn tăng quyền chủ động cho đối ngôn. Do đó, câu cầu khiến gián tiếp thường có tính lịch sự cao hơn lời cầu khiến trực tiếp trong cách sử dụng.

5. Tạm kết

Từ những vấn đề về ngữ nghĩa của CCK trong hội thoại đã nêu trên, cho thấy, đặc điểm của CCK mà các nhân vật tham gia giao tiếp sử dụng rất đa dạng, phong phú về nghĩa cũng như trong cách sử dụng. Bên cạnh, câu cầu khiến có nội dung, ý nghĩa “cầu” và “khiến”, chúng tôi thấy, CCK được các nhân vật tham gia giao tiếp trong các đoạn hội thoại được sử dụng ở dạng cầu khiến trực tiếp, gián tiếp và hướng của chúng tùy thuộc vào mục đích cầu khiến của chủ ngôn.

Trong giảng dạy tiếng Việt về lời văn cầu khiến, chúng ta cũng cần chú ý đến vấn đề về tính lịch sự ở CCK như lời cầu khiến gián tiếp thông qua một hành động ngôn trung khác như hỏi, trần thuật trong mục đích cầu khiến thường mang tính lịch sự cao hơn lời cầu khiến trực tiếp trong cách sử dụng.

NGŨ LIỆU TRÍCH DẪN

1. Triệu Bôn, *Mầm sống*, Nxb Hội nhà văn, 2012.
2. Nam Cao, *Đôi mắt*, Nxb Văn học, 2017.
3. Nam Cao, Chí Phèo, Nxb Văn học, 2017.
4. Nguyễn Minh Châu, *Mảnh trăng cuối rừng*, Nxb Văn học, 2018.
5. Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh toàn tập: Thư Trung thu*, Nxb Chính trị, 1952.
6. Pushkin A.S. (Vĩnh Thuyên dịch), *Ông lão đánh cá và con cá vàng*, Nxb Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2018.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 1981.
2. Nguyễn Đức Dân, *Logích, ngữ nghĩa, cú pháp*, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1987.
3. Nguyễn Văn Hiệp (dịch giả), *Ngữ nghĩa học dẫn luận*, (bản gốc: *Linguistic semantics - An introduction*, tác giả: John Lyon), Nxb Giáo dục, 2006.
4. Nguyễn Văn Hiệp, *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, Nxb Giáo dục, 2012.
5. Đào Thanh Lan, *Phân tích sắc thái ý nghĩa câu cầu khiến động từ lệnh, cấm, cho phép, yêu cầu, đề nghị, khuyên, mời, chúc, cầu xin tiếng Việt*, Ngôn ngữ (11), 2004.
6. Đào Thanh Lan, *Ngữ pháp, ngữ nghĩa lời cầu khiến tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, 2010.
7. Đỗ Thị Kim Liên, *Ngữ nghĩa lời hội thoại*, Nxb Giáo dục, 1999.
8. Lê Quang Thiêm, *Ngữ nghĩa học*, Nxb Giáo dục, 2008.
9. Nguyễn Như Ý, *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục, 2003.